

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BẢO THẮNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024

Được kiểm toán bởi:

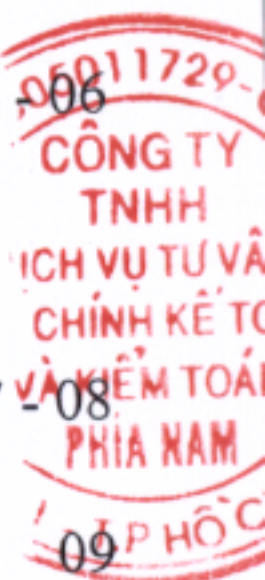
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Báo cáo tình hình tài chính	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng (tiền thân: Công ty TNHH Vận tải Bảo Thắng) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300808206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2022 và thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 03 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo GCNĐKKD Công ty Cổ phần là: 32.000.000.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 32.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Đường N10 Tổ dân phố 6, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ngày 15/03/2024, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 02 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp từ TNHH MTV sang Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ từ 14 tỷ đồng lên 32 tỷ đồng. Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Vận Tải Bảo Thắng là Bà Đặng Thị Bích Ngọc - Giám đốc Công ty.

Ngoài ra, Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật

Hội đồng Quản trị		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà	Đặng Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	15/03/2024
Bà	Nguyễn Thùy Trang	Thành viên	15/03/2024
Bà	Phan Thị Nga	Thành viên	15/03/2024
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		Chức vụ	
Bà	Đặng Thị Bích Ngọc	Giám đốc	
Ông	Đặng Văn Sinh	Phó Giám đốc	
Bà	Vũ Thị Lương	Kế toán trưởng	29/12/2024
Đại diện pháp luật			
Bà	Đặng Thị Bích Ngọc	Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BẢO THẮNG

Đường N10 Tổ dân phố 6, Thị trấn Tăng Loong, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Bản thuyết minh báo cáo tài chính trong giai đoạn từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tỉnh Lào Cai, ngày 21 tháng 05 năm 2025

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Số: 570 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BẢO THẮNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng được lập ngày 21 tháng 05 năm 2025 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/03/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Tạ Quang Long

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



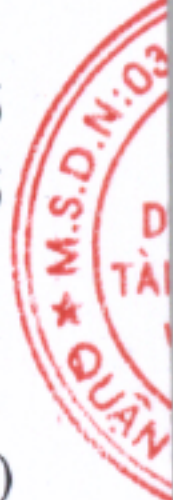
Mẫu số B01a - DNN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.743.131.793	20.003.066.964
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122	V.02	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		27.838.505.842	3.977.341.650
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03a	2.926.197.928	3.880.001.010
2. Trả trước cho người bán	132	V.03b	49.435.680	85.340.640
3. Phải thu khác	134	V.03c	24.862.872.234	12.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	-	30.508.546
1. Hàng tồn kho	141		-	30.508.546
V. Tài sản cố định	150	V.05	10.731.209.833	12.987.870.349
1. Nguyên giá	151		15.802.079.266	15.943.558.073
2. Giá trị hao mòn lũy kế	152		(5.070.869.433)	(2.955.687.724)
VI. Bất động sản đầu tư	160	V.06	6.019.525.328	-
1. Nguyên giá	161		6.150.000.000	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	162		(130.474.672)	-
VII. Xây dựng cơ bản dở dang	170		-	-
VIII. Tài sản khác	180	V.07	876.676.677	1.096.150.702
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		84.762.135	775.164.373
2. Tài sản khác	182		791.914.542	320.986.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		56.209.049.473	38.094.938.211



Mẫu số B01a - DNN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
I. Nợ phải trả	300		18.559.924.114	21.344.621.416
1. Phải trả người bán	311	V.08a	2.475.716.590	1.512.573.717
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	1.070.399.305	687.579.199
3. Phải trả người lao động	314		-	199.525.500
4. Phải trả khác	315	V.08c	13.808.219	18.944.943.000
5. Vay và nợ thuê tài chính	316	V.10	15.000.000.000	-
II. Vốn chủ sở hữu	400	V.11	37.649.125.359	16.750.316.795
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	14.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		5.649.125.359	2.750.316.795
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		56.209.049.473	38.094.938.211

Lập, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Thúy Hà

Vũ Thị Lương

Đặng Thị Bích Ngọc

Mẫu số B02 - DNN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	28.535.495.725	23.553.319.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.535.495.725	23.553.319.717
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	23.429.911.496	21.095.439.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.105.584.229	2.457.880.061
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	866.069.705	3.718.869
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	665.951.490	
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		179.319.756	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.05	1.606.446.879	512.199.679
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.699.255.565	1.949.399.251
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	VI.06	68.332.807	-
12. Lợi nhuận khác	40		(68.332.807)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.630.922.758	1.949.399.251
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.07	732.114.194	337.216.037
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.898.808.564	1.612.183.214

Lập, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Vũ Thị Lương

Đặng Thị Bích Ngọc

Mẫu số B03 - DNN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.630.922.758	1.949.399.251
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.293.877.865	1.980.129.722
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(313.549.493)	(3.718.869)
- Chi phí lãi vay	06		179.319.756	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.790.570.886	3.925.810.104
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(13.285.199.090)	110.115.533
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		30.508.546	16.594.030
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.122.715.777)	527.317.080
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(470.928.213)	(133.743.807)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(165.511.537)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(407.903.938)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.631.179.123)	4.446.092.940
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		(6.245.427.273)	(7.210.650.705)
2. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		(45.194.148.420)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		30.458.585.556	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		352.234.089	3.718.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.628.756.048)	(7.206.931.836)

Mẫu số B03 - DNN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		18.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		21.563.904.483	-
3. Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		(6.563.904.483)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.259.935.171)	(2.760.838.896)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.003.066.964	5.162.924.500
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	5.743.131.793	2.402.085.604

Lập, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Vũ Thị Lương

Đặng Thị Bích Ngọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng (tiền thân: Công ty TNHH Vận tải Bảo Thắng) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300808206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2022 và thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 03 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo GCNĐKKD Công ty Cổ phần là: 32.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 32.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Đường N10 Tổ dân phố 6, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/03/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 nhân viên (Tại ngày 15 tháng 03 năm 2024 là 28 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 15/03/2024 đến 31/12/2024 được lập để thể hiện tình hình tài chính của giai đoạn sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

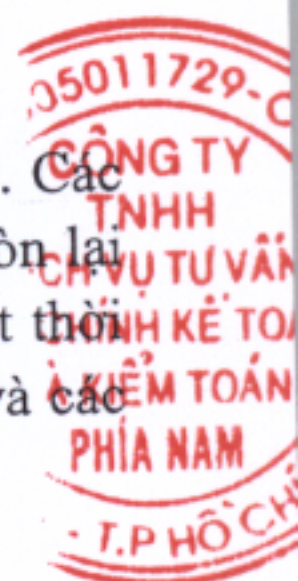
Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Ví dụ như:

Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;

Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản phi tiền tệ, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Báo cáo tình hình tài chính còn bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay; Khoản ký quỹ, ký cược, khoản tạm ứng ... Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	03-06
- Tài sản cố định khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà	25

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Trường hợp mua TSCĐ gồm có nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì phải xác định tách biệt giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ vô hình. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

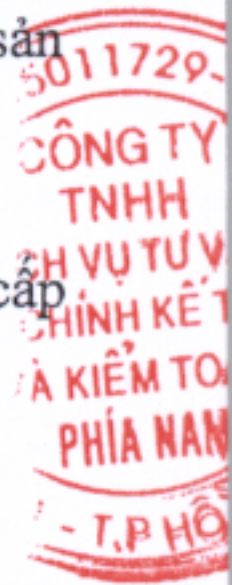
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.



11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**a. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.



14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

15. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

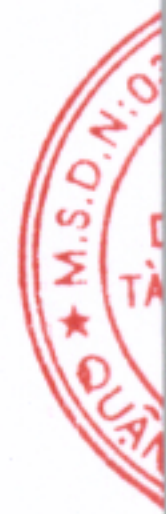
16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
- Tiền mặt	2.259.351.090	29.093.900
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.483.780.703	19.973.973.064
Cộng	5.743.131.793	20.003.066.964

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng, lãi suất 5,4%/năm. Khoản tiền này đang được cầm cố cho khoản vay với Ngân hàng (Thuyết minh V.10).

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
a. Phải thu của khách hàng	2.926.197.928	3.880.001.010
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai	165.903.745	2.452.383.752
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	2.409.401.075	1.254.706.348
- Các khách hàng khác	350.893.108	172.910.910
b. Trả trước cho người bán	49.435.680	85.340.640
- Công ty TNHH Thu phí Tự Động VETC	19.435.680	35.340.640
- Các khách hàng khác	30.000.000	50.000.000
c. Phải thu khác	24.862.872.234	12.000.000
- Phải thu về cho vay (*)	9.735.564.015	-
- Phải thu khác	15.127.308.219	12.000.000
+ Ký quỹ, ký cược	-	12.000.000
+ Dự thu lãi tiền gửi	33.472.603	-
+ Bà Tạ Thị Ngọc Thúy (**)	15.093.835.616	-
Cộng	27.838.505.842	3.977.341.650

Ghi chú:

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi vay theo Hợp đồng cho vay ngày 19/04/2024 và các thỏa thuận xác lập từng thời điểm. Khoản cho vay này đáo hạn vào ngày 18/02/2025, không có tài sản đảm bảo, lãi suất lên đến 6,5 %/năm nếu không thu hồi trước hạn.

(**) Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 04/10/2024, Công ty đã ký hợp đồng ủy thác số 01/2024/HĐUT ngày 14/11/2024 để ủy thác cho bà Tạ Thị Ngọc Thúy triển khai dự án bãi đậu xe tại Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai tương ứng với số tiền 15 tỷ đồng. Thời hạn thực hiện là 06 tháng từ ngày nhận số tiền ủy thác. Hợp đồng này được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị Bích Ngọc. Đến ngày 09/04/2025, Công ty đã tiến hành thu hồi toàn bộ khoản phải thu theo hợp đồng ủy thác này.

4. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
- Nguyên liệu, vật liệu	-	30.508.546
Cộng	-	30.508.546

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
TSCĐ hữu hình				
- Nguyên giá	15.943.558.073	95.427.273	236.906.080	15.802.079.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	2.955.687.724	2.163.403.193	48.221.484	5.070.869.433
- Giá trị còn lại	12.987.870.349	-	-	10.731.209.833

6. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê (*)				
- Nguyên giá	-	6.150.000.000	-	6.150.000.000
+ Quyền sử dụng đất	-	1.257.200.000	-	1.257.200.000
+ Nhà ở	-	4.892.800.000	-	4.892.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	130.474.672	-	130.474.672
+ Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
+ Nhà ở	-	130.474.672	-	130.474.672
- Giá trị còn lại	-	6.019.525.328	-	6.019.525.328
+ Quyền sử dụng đất	-	1.257.200.000	-	1.257.200.000
+ Nhà ở	-	4.762.325.328	-	4.762.325.328

Ghi chú:

(*) Được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty đã mua 02 (hai) bất động sản đầu tư (quyền sử dụng đất và tài sản trên đất) ở Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 6.019.525.328 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.10).

7. TÀI SẢN KHÁC

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
- Chi phí trả trước	791.914.542	320.986.329
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	84.762.135	775.164.373
Cộng	876.676.677	1.096.150.702

8. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
a. Phải trả người bán	2.475.716.590	1.512.573.717
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Lào Cai	-	424.274.915
- Công ty TNHH MTV Thương mại Quang Thành	977.072.550	343.384.342
- Công ty TNHH MTV Vận tải Thương mại Ngọc Thuyền	-	117.286.602
- Cao Văn Dũng	298.150.000	23.300.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Long	225.027.793	-
- Các nhà cung cấp khác	975.466.247	604.327.858
b. Người mua trả tiền trước	-	-
c. Phải trả khác	13.808.219	18.944.943.000
- Chi phí phải trả	13.808.219	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	18.944.943.000
+ Phải trả BHYT, BHXH, BHTN	-	44.943.000
+ Bà Đặng Thị Bích Ngọc (*)	-	900.000.000
+ Khoản tiền các cổ đông đã chuyển vào tài khoản công ty, chờ hoàn tất thủ tục đăng ký tăng vốn góp của chủ sở hữu (**)	-	18.000.000.000

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền mượn bà Đặng Thị Bích Ngọc để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã thực hiện thanh toán toàn bộ khoản phải trả này vào tháng 06/2024.

(**) Thực hiện Quyết định của Chủ sở hữu số 01/2024/QĐ-CSH ngày 13/03/2024 về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức Công ty Cổ phần và điều chỉnh đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty, đến ngày 14/3/2024 các cổ đông đã chuyển 18.000.000.000 đồng góp vốn thông qua tài khoản ngân hàng. Do việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, xác nhận tư cách pháp nhân của công ty cổ phần được hoàn thành vào ngày 15/3/2024 nên Công ty TNHH Vận Tải Bảo Thắng đã ghi nhận số tiền này tại ngày 14/03/2024 như một khoản góp vốn trong giai đoạn chờ hoàn tất thủ tục. Công ty đã chính thức ghi nhận việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần vào ngày 15/03/2024.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 15/03/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2024
a. Phải nộp	687.579.199	793.724.044	410.903.938	1.070.399.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	687.579.199	732.114.194	407.903.938	1.011.789.455
Thuế thu nhập cá nhân	-	58.609.850	-	58.609.850
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/12/2024		Trong kỳ		Tại ngày 15/03/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	21.563.904.483	6.563.904.483	-	-
Vay ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	21.563.904.483	6.563.904.483	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
CN Lào Cai						
- Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI (**)	-	-	6.563.904.483	6.563.904.483	-	-

Ghi chú:

(*) Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng cấp hạn mức vay vốn sau đây:

- + Hợp đồng số 0105/2024/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 12/11/2024. Hạn mức vốn vay là 5.000.000.000, lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng;
- + Hợp đồng số 0106/2024/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 12/11/2024 và phụ lục hợp đồng kèm theo ngày 19/11/2024. Hạn mức vay vốn là 10.000.000.000, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng và thời hạn của khoản vay là 06 tháng.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Vận tải Bảo Thắng

- Toàn bộ bất động sản đầu tư tại địa chỉ đường N4, Tiểu khu đô thị số 03, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai (Xem thuyết minh V.06).

- Khoản đầu tư tài chính là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem thuyết minh V.02).

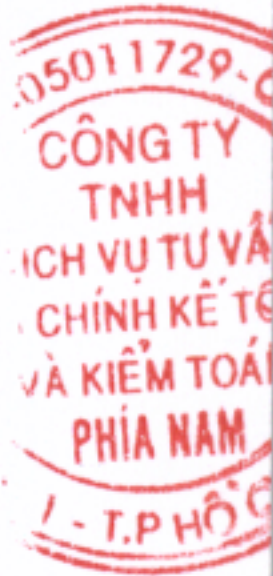
Ông Đặng Văn Sinh

- Các sổ tiết kiệm có giá trị 2.642.321.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn Sinh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Bà Đặng Thị Bích Ngọc

- Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân số 0003/2024/HĐBL/SHB-110900 ngày 12/11/2024 giữa bà Đặng Thị Bích Ngọc và Ngân hàng.

(**) Khoản vay Margin theo hợp đồng mở tài khoản và Đăng ký dịch ký quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi.



11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 15/03/2023	14.000.000.000	19.432.536	14.019.432.536
- Lợi nhuận trong kỳ	-	1.612.183.214	1.612.183.214
Số dư tại ngày 31/12/2023	14.000.000.000	1.631.615.750	15.631.615.750
Số dư tại ngày 15/03/2024	14.000.000.000	2.750.316.795	16.750.316.795
- Tăng vốn trong kỳ (*)	18.000.000.000	-	18.000.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	2.898.808.564	2.898.808.564
Số dư tại ngày 31/12/2024	32.000.000.000	5.649.125.359	37.649.125.359

Ghi chú:

(*) Thực hiện Quyết định của Chủ sở hữu số 01/2024/QĐ-CSH ngày 13/03/2024 về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức công ty cổ phần và điều chỉnh đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty, đến ngày 14/3/2024 các cổ đông đã chuyển 18.000.000.000 đồng góp vốn thông qua tài khoản ngân hàng. Do việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, xác nhận tư cách pháp nhân của công ty cổ phần được hoàn thành vào ngày 15/3/2024 nên Công ty TNHH Vận Tải Bảo Thắng đã ghi nhận số tiền này tại ngày 14/03/2024 như một khoản góp vốn trong giai đoạn chờ hoàn tất thủ tục. Công ty đã chính thức ghi nhận việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần vào ngày 15/03/2024. (Xem thuyết minh mục V.08).

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 15/03/2024
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	32.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	32.000.000.000	14.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	18.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	32.000.000.000	14.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.200.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



12. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Giám đốc
Ông Đặng Văn Sinh	Phó Giám đốc
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Doanh nghiệp có thành viên ban điều hành là người có liên quan
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Doanh nghiệp có thành viên ban điều hành là người có liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Kế toán trưởng	Ban điều hành

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2024 đến 31/12/2024, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
Trả tiền vay		
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	900.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	13.275.530.916	15.327.039.769
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	48.144.445	496.778.187
Nhận tài sản đảm bảo		
Ông Đặng Văn Sinh	2.642.321.000	-

011729-C
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
T.P HỒ CHÍ MINH

12. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến 31/12/2023
Đặng Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	-	-
Nguyễn Thùy Trang	Thành viên	-	-
Phan Thị Nga	Thành viên	206.027.000	54.440.000
Cộng		206.027.000	54.440.000

Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến 31/12/2023
Đặng Thị Bích Ngọc	Giám đốc	-	-
Đặng Văn Sinh	Phó Giám đốc	230.729.000	-
Cộng		230.729.000	-

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Ngày 14/03/2024	Ngày 01/01/2024
Các khoản phải thu (Thuyết minh V.02)		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	2.409.401.075	1.254.706.348
Các khoản phải trả (Thuyết minh V.08)		
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	-	900.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
a. Tổng doanh thu	28.535.495.725	23.553.319.717
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.535.495.725	23.553.319.717
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.535.495.725	23.553.319.717

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.429.911.496	21.095.439.656
Cộng	23.429.911.496	21.095.439.656

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.145.048	3.718.869
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	420.000.000	-
- Lãi phải thu theo Hợp đồng ủy thác	93.835.616	-
- Doanh thu tài chính khác	25.089.041	-
Cộng	866.069.705	3.718.869

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
- Chi phí lãi vay	179.319.756	-
- Chi phí tài chính khác	486.631.734	-
Cộng	665.951.490	-

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

	Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023
- Chi phí nhân viên quản lý	1.606.446.879	512.199.679
Cộng	1.606.446.879	512.199.679

6. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	38.684.596	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	29.648.211	-
Cộng	68.332.807	-

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.630.922.758	1.949.399.251
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	29.648.211	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	29.648.211	
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.660.570.969	1.949.399.251
+ Lỗ từ các kỳ trước chuyển sang	-	(263.319.069)
- Tổng thu nhập tính thuế	3.660.570.969	1.686.080.182
+ Thuế suất	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	732.114.194	337.216.037

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Do việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, xác nhận tư cách pháp nhân của công ty cổ phần được hoàn tất vào ngày 15/3/2024 nên Công ty đã ghi nhận tăng 18.000.000.000 đồng trong khoản mục nhận vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 31) trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<i>Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	21.563.904.483	-
Cộng	21.563.904.483	-

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 15/03/2024 đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.563.904.483	-
Cộng	6.563.904.483	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/03/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 15/03/2023 đến ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.

Người lập biểu

Phạm Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lương

Lập, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Giám đốc



Đặng Thị Bích Ngọc